

CTCP Tập đoàn Real Tech (HNX: KSF)

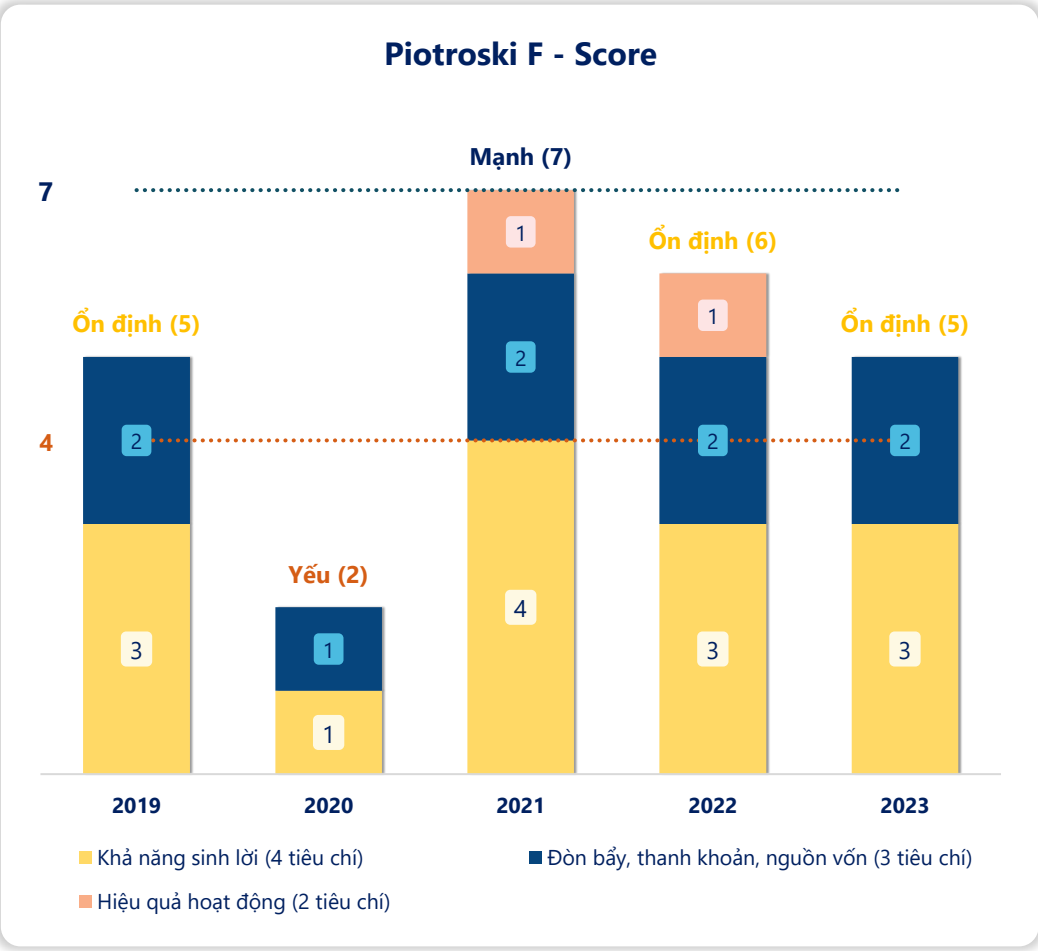
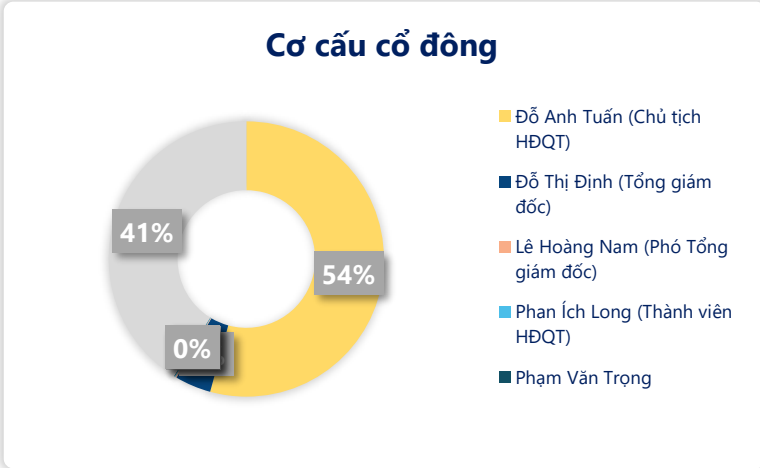
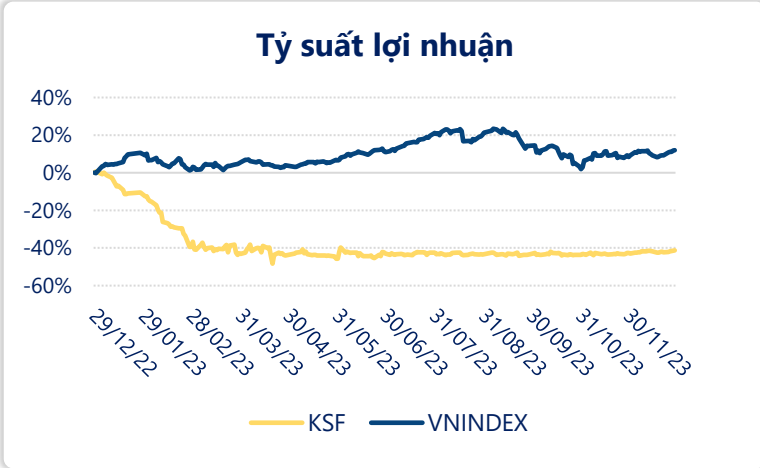
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	41,700 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.2%	4.3%	4.3%

Sức mạnh tài chính	2023
Piotroski F - Score	5/9
2023	(Ổn định)

DT thuần	2023
555	YoY ▼ 658 ▼ 54.3%
tỷ VNĐ	

LN sau thuế	2023
204	YoY ▼ 416 ▼ 67.1%
tỷ VNĐ	

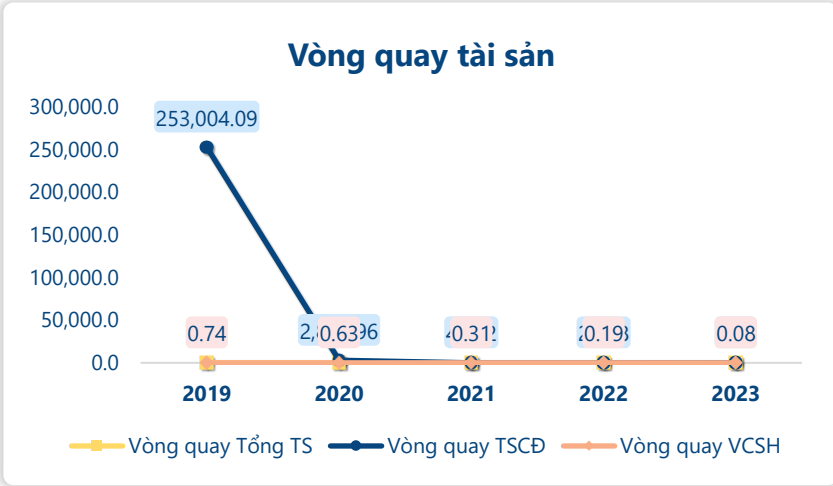
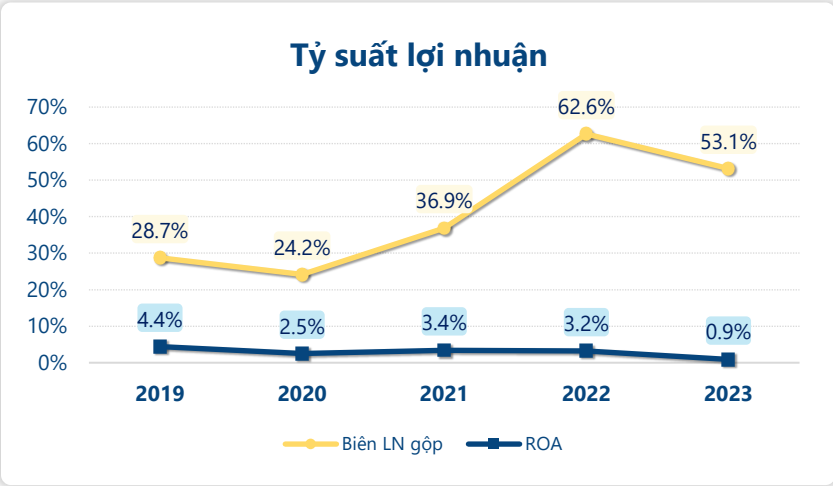
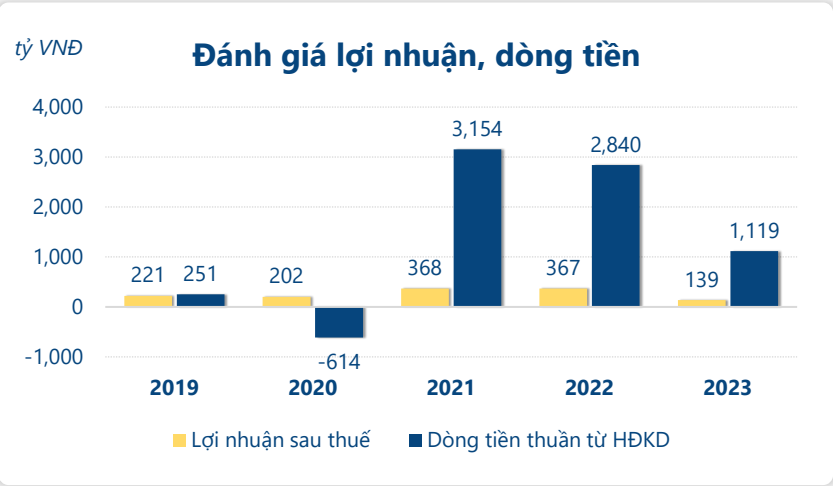


Năm 2023, F-Score của KSF đạt 5/9 thấp hơn năm trước nhưng sức khỏe tài chính vẫn thuộc vùng "ổn định".

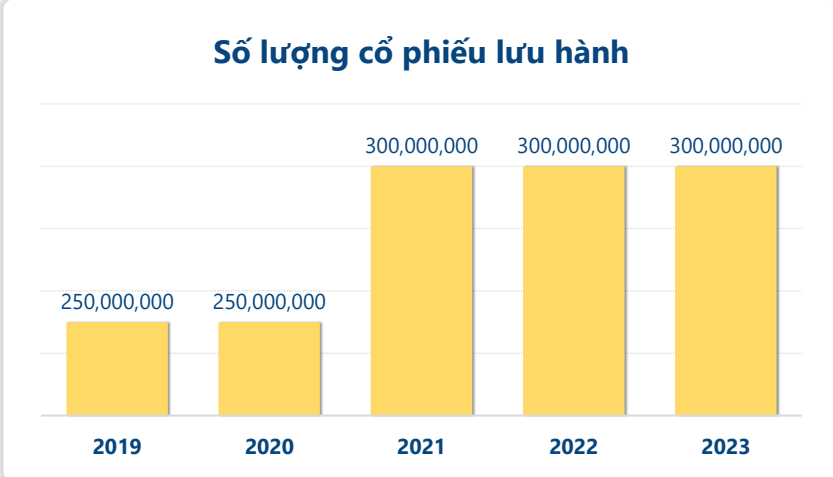
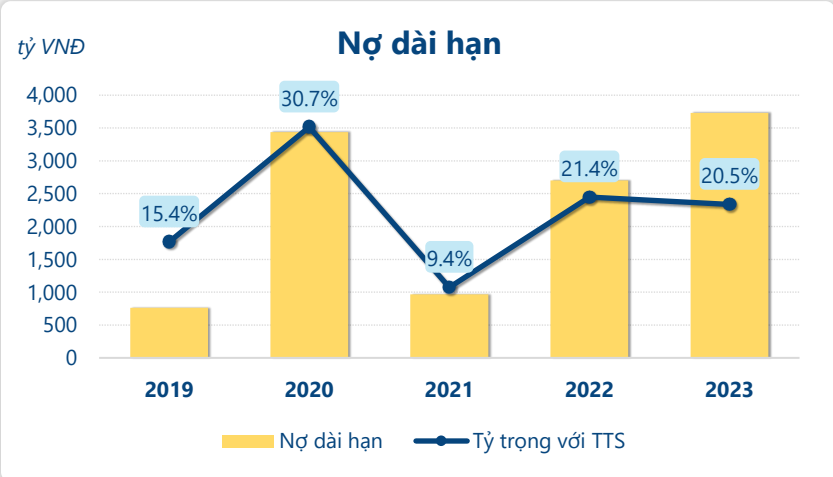
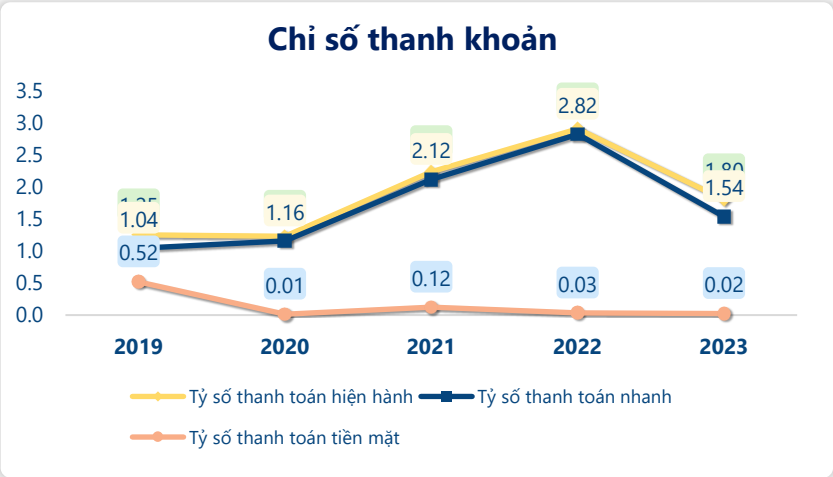
Trong đó, khả năng sinh lời không đổi đạt 3/4 điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn không thay đổi vẫn ở mức 2/3 điểm. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, không đạt điểm nào cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty chưa tốt.

Với F-Score ở mức ổn định cho thấy có một số yếu tố tích cực trong tình hình tài chính và hoạt động của công ty, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để cải thiện sức khỏe tài chính và tăng cường hiệu quả hoạt động.

CTCP Tập đoàn Real Tech (HNX: KSF)



Xét các tiêu chí thành phần của F-Score năm 2023 của KSF: Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh lớn hơn lợi nhuận sau thuế và 2 chỉ tiêu này đều dương là một tín hiệu tích cực cho thấy công ty có chất lượng lợi nhuận tốt và duy trì hoạt động kinh doanh một cách bền vững. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	18,247	12,601	44.8%
Tài sản ngắn hạn	13,033	9,124	42.8%
Tiền và tương đương tiền	171	99.5	71.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,412	974	44.9%
Phải thu ngắn hạn	9,217	7,629	20.8%
Hàng tồn kho	1,902	265	619%
Tài sản ngắn hạn khác	331	156	112%
Tài sản dài hạn	5,214	3,477	49.9%
Phải thu dài hạn	1,018	1,016	0.2%
Tài sản cố định	82.2	67.9	21.0%
Bất động sản đầu tư	313	88.8	253%
Tài sản dở dang	2,768	2,047	35.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,015	252	303%
Tài sản dài hạn khác	17.6	5.81	202%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	10,971	5,839	87.9%
Nợ ngắn hạn	7,240	3,136	131%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,473	660	275%
Phải trả người bán ngắn hạn	266	181	47.3%
Nợ dài hạn	3,731	2,702	38.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	223	189	17.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	7,276	6,762	7.6%
Vốn chủ sở hữu	7,276	6,762	7.6%
Vốn điều lệ	3,000	3,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	1,916	1,449	1,241	1,213	555
Giá vốn hàng bán	1,366	1,099	783	453	260
Lợi nhuận gộp	550	350	458	759	295
Doanh thu HĐTC	0.96	508	621	541	595
Chi phí TC	46.4	295	284	273	434
Chi phí lãi vay	23.3	245	245	49.6	55.3
LN trong công ty LKLD	0	-5.96	-18.8	-0.07	0
Chi phí bán hàng	119	184	64.3	19.9	38.2
Chi phí QLDN	6.61	42.0	120	220	158
LN thuần từ HĐKD	379	332	591	788	261
Lợi nhuận khác	-92.1	-9.47	-0.38	-7.39	-1.71
LN trước thuế	287	322	591	781	259
Lợi nhuận sau thuế	221	263	415	620	204
LNST của CĐ cty mẹ	221	202	368	367	139

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	251	-614	3,154	2,840	1,119
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-229	-2,157	-979	-1,903	-2,190
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	616	2,094	-1,879	-1,214	1,143
Tiền đầu kỳ	119	757	80.6	377	99.5
Lưu chuyển tiền thuần	638	-677	296	-277	71.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	757	80.6	377	99.5	171